

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/HC-ST
Ngày: 21 - 6 - 2024
“V/v khiếu kiện quyết định
buộc thực hiện biện pháp khắc
phục hậu quả”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Kim Loan

Ông Thái Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Đ cầu thành phần trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm trực tuyến vụ án thụ lý số: 229/2023/TLST-HC ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HC ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Ông Lê Phước N, sinh năm 1974. Nơi thường trú: Số F Tổ H, ấp F, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1977. Nơi thường trú: Số 61C Liên khu 5-11-12, phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số D đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số D đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố P và UBND thành phố P: Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố P và UBND thành phố P: Ông Nguyễn Văn H1, chức vụ: Phó Phòng Tư pháp thành phố Phú Quốc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 02 năm 2024 người khởi kiện ông **Lê Phước N** trình bày:

Năm 2019 ông **Lê Phước N** có nhận chuyển nhượng thửa đất có diện tích 509m² tại **ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang** của ông **Đào Văn Q** bằng giấy tay, sau khi nhận chuyển nhượng ông **N** xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2020.

Ngày 07/11/2022 Công chức Địa chính – Xây dựng **xã D** tiến hành lập Biên bản làm việc số 02/BB-LV và Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 101/BB-VPHC với nhận định ông **N** có hành vi chiếm đất nông nghiệp (loại đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 511,3m² do **UBND xã D** quản lý theo Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của **UBND tỉnh K**.

Ngày 05/5/2023 Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành Quyết định số 1695/QĐ-KPHQ buộc ông **N** phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích 511,3m² và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền 5.628.107 đồng.

Ông **Lê Phước N** cho rằng, Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành Quyết định số 1695/QĐ-KPHQ ngày 05/5/2023 không đúng pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **N**.

Ông **Lê Phước N** yêu cầu giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1695/QĐ-KPHQ ngày 05/5/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố P** về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.
- Hủy Quyết định số 3314/QĐ-SĐBS ngày 21/6/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố P** về việc sửa đổi, bổ sung quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.
- Hủy Quyết định 6437/QĐ-CCXP ngày 04/12/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố P** về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

Tại Văn bản số 980/UBND-NCPC ngày 23 tháng 5 năm 2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành Quyết định số 1695/QĐ-KPHQ ngày 05/5/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 3314/QĐ-SĐBS ngày 21/6/2023 sửa đổi, bổ sung quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 6437/QĐ-CCXP ngày 04/12/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Lê Phước N** là hoàn toàn có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Nguồn gốc diện tích 511,3m² tại **ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang** do ông **Lê Phước N** chiếm thuộc nhóm đất nông nghiệp, loại đất trồng cây lâu năm (theo công văn số 557/UBND-NCPC ngày 30/6/2022, về việc xác định loại đất để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai). (Bút lục số 01).

Ngày 23/9/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng **UBND xã D** lập Biên bản làm việc đối với ông **Lê Phước N**, đến ngày 07/11/2022 tiếp tục lập Biên bản làm việc ông **Lê Phước N** trình bày nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng từ ông **Đào Văn Q** khoảng tháng 5 năm 2018. (Tại thời điểm mua đất này cho đến nay là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và việc mua bán đất này không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận).

Ngày 07/11/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng **UBND xã D** đã phối hợp

với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 511,3m² do ông **Lê Phước N** chiếm là đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn.

Toàn bộ diện tích ông **Lê Phước N** chiếm nằm trong Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của **UBND tỉnh K** về việc thu hồi đất và giao UBND huyện (nay là thành phố) **P** để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư **B** và **Nam Bãi T1** tại **xã D, thị trấn A, huyện P tỉnh Kiên Giang**.

Từ đó, Công chức Địa chính - Xây dựng lập Biên bản vi phạm hành chính số 101/BB-VPHC ngày 07/11/2022; Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 36/BB-XM ngày 04/4/2023 thể hiện ông **Lê Phước N** thực hiện hành vi vi phạm hành chính. Chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 511,3m² đất do **UBND thành phố P** quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng theo quy định của pháp luật.

Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật.

Việc ông **Lê Phước N** tự ý sử dụng diện tích 511,3m² đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của **UBND thành phố P** mà không được cho phép là hành vi chiếm đất, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Vì vậy, Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành Quyết định số 1695/QĐ-KPHQ ngày 05/5/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 3314/QĐ-SĐBS ngày 21/6/2023 sửa đổi, bổ sung quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **Lê Phước N** là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, về trình tự thủ tục, về nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 28, 29, 38, 65, 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Qua theo dõi thi hành quyết định nhận thấy ông **Lê Phước N** chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, nên Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành Quyết định số 6437/QĐ-CCXP ngày 04/12/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định pháp luật.

Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Phước N**.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông **Bùi Ngọc H** người được ông **Lê Phước N** ủy quyền cho rằng: Nguồn gốc đất ông **N** nhận chuyển nhượng năm 2019 sau đó tiến hành xây dựng nhà ở được 02 năm thì bị lập biên bản, việc này không phải là hành vi chiếm đất, đề nghị chấp nhận đơn kiện của ông **N**.

- Ông **Nguyễn Văn H1** người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng: Diện tích đất ông **N** chiếm là đất nông nghiệp, **UBND tỉnh K** đã có Quyết định số 904/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giao **UBND huyện P** để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư **B** và **Nam Bãi T1** tại **xã D, thị trấn A, huyện P tỉnh Kiên Giang**. Năm 2022 ông **N** vào sử dụng đất là hành vi chiếm đất, nên việc lập biên bản và quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế là đúng pháp luật về nội dung, về hình thức, về thời hiệu, thời hạn, về thẩm quyền và về trình, tự thủ tục không có vi phạm, ông **N** đã tự nguyện thực hiện xong, đề nghị giải quyết bác đơn kiện của ông **Lê Phước N**.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm.

Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Đối với người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Phước N** về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1695/QĐ-KPHQ ngày 05/5/2023 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 3314/QĐ-SĐBS ngày 21/6/2023 sửa đổi, bổ sung quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 6437/QĐ-CCXP ngày 04/12/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch **UBND thành phố P**.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa:

Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, người được ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng các đương sự.

[1.2] Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Ông **Lê Phước N** yêu cầu Tòa án hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Lê Phước N** là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Kể từ ngày ông **Lê Phước N** nhận được quyết định đến ngày nộp đơn khởi

kiện tại Tòa án chưa hết một năm, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Tính hợp pháp của các quyết định bị kiện:

[2.1] Thẩm quyền ban hành các quyết định và pháp luật áp dụng:

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với ông Lê Phước N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 38, Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Các văn bản pháp luật áp dụng giải quyết trong việc ban hành các quyết định đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định là có căn cứ.

[2.2] Xét nguồn gốc đất, hành vi hành chính theo đơn khởi kiện của ông Lê Phước N:

Diện tích đất 511,3m² ông Lê Phước N bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả được xác định nằm trong diện tích đất theo Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất và giao UBND huyện (nay là thành phố) P để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch – Dân cư B và Nam Bãi T1 tại xã D, thị trấn A thành phố P.

Ngày 23/9/2022 UBND xã D phát hiện được ông Lê Phước N đang chiếm 480m² đất xây dựng nhà ở, việc này có lập biên bản làm việc ông N thừa nhận, đến ngày 07/11/2022 Công chức Địa chính - xây dựng thuộc UBND xã D lập biên bản đo đạc thực tế với diện tích 511,3m² và biên bản vi phạm hành chính. Ông Lê Phước N vào diện tích đất 511,3m² thuộc quyền quản lý của UBND thành phố P sử dụng làm nhà ở không được sự đồng ý của tổ chức có quyền sử dụng đất là hành vi chiếm đất được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, ông N cho rằng không có hành vi chiếm đất là không có căn cứ, điều này còn được thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 23/9/2022 do UBND xã D, ông N trình bày: “năm 2018 ông nhận chuyển nhượng đất từ ông Đào Văn Q với số tiền 720.000.000 đồng Đến tháng 8/2018 xây dựng nhà để ở, tường rào, trồng cây như hiện trạng hiện nay... .. Nay chính quyền xã D giải thích khu đất này là đất nhà nước quản lý thì tôi hiểu việc mua bán đất này là trái pháp luật, tôi đề nghị xử lý việc mua bán đất này theo đúng quy định của pháp luật”. Trong khi đó, ông N không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, điều này UBND thành phố P đã chứng minh về nguồn gốc đất và chủ thể quản lý đất.

[2.3] Xét tính hợp pháp của quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Quyết định số 1695/QĐ-KPHQ ngày 05/5/2023):

Khi phát hiện hành vi chiếm đất của ông Lê Phước N, Công chức Địa chính – xây dựng xã D đã tiến lập Biên bản làm việc ngày 23/9/2022 đối với ông Lê Phước N, ông N thừa nhận hành vi của mình, lẽ ra ngay thời điểm này phải được đo đạc xác định vị trí, diện tích đất và lập biên bản vi phạm hành chính và có biện pháp

ngăn chặn, nhưng đã không thực hiện. Đến ngày 07/11/2022 mới đo đạc xác định vị trí đất, lập biên bản vi phạm hành chính, cho thấy trách nhiệm quản lý đất đai của địa phương, của cán bộ được phân công chưa kịp thời để cho ông **N** chiếm đất xây dựng nhà ở một thời gian dài và dẫn đến việc không ra quyết định xử phạt xử phạt vi phạm hành chính. Chủ tịch **UBND thành phố P** không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng hậu quả của hành vi vi phạm cần phải được khắc phục để đảm bảo cho việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, nên việc ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Lê Phước N** là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

[2.4] Xét tính hợp pháp của quyết định sửa đổi, bổ sung trong quyết định xử phạt hành chính (Quyết định số 3314/QĐ-SĐBS ngày 21/6/2023):

Do quyết định có thiếu sót trong việc chưa thể hiện đầy đủ nội dung buộc trả đất cho **UBND thành phố P** theo kết quả xác minh, nên việc sửa đổi, bổ sung là phù hợp với khoản 3 Điều 18 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020) và Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[2.5] Biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó có buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả đất và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp 5.628.107 đồng từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn) qua đất xây dựng nhà ở là phù hợp với khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.6] Xét tính hợp pháp của Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Quyết định số 6437/QĐ-CCXP ngày 04/12/2023):

Xét thấy, như nhận định tại mục [2.2], [2.3], [2.4], [2.5] Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông **Lê Phước N** không tự nguyện chấp hành, nên ban hành quyết định cưỡng chế là đúng quy định tại Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, qua kiểm tra ông **N** đã tự nguyện thi hành xong được lập Biên bản số 03/BB-BTHCC ngày 19/01/2024.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Phước N**.

[4]. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông **Lê Phước N** phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào án phí tạm nộp theo lai thu số 0004508 ngày 16/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chủ tịch **UBND thành phố P** không phải chịu án phí.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính.
- Căn cứ các Điều 38, 58, 65, 85, 87, 88 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
- Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.
- Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính
- Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
- Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước N:

- Không chấp nhận hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1695/QĐ-KPHQ ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;
- Không chấp nhận hủy Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số 3314/QĐ-KPHQ ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;
- Không chấp nhận hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 6437/QĐ-CCXP ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

2. Về án phí:

- Ông Lê Phước N phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào án phí tạm nộp theo lai thu số 0004508 ngày 16/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Tám